

DSSV CHƯƠNG TRÌNH ĐỀ ÁN KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH (CHÍNH THỨC)
HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2024-2025

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK2/24- 25	XL HT HK2/24-25	XL ĐRL HK2/24- 25	LOẠI HỌC BỔNG	MỨC HỌC BỔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	CT
1	21125100	Nguyễn Lộc An	18	8	9,1	Xuất sắc	Khá	Khá	100% HP thực đóng	11.519.400		11.519.400	Không tính học phí học phần điểm P	TT
2	21125148	Mai Tấn Đạt	8	8	7	Khá	Khá	Khá	100% HP thực đóng	11.519.400		11.519.400		TT
3	21126087	Nguyễn Võ Phương Vinh	18	10	7,42	Khá	Khá	Khá	100% HP thực đóng	9.497.400		9.497.400	Không tính học phí liên kết	VP
4	21127006	Nguyễn Quốc Anh	18	10	8,5	Giỏi	Khá	Khá	100% HP thực đóng	12.334.000		12.334.000	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC
5	21127018	Nguyễn Quang Bình	8	8	8,85	Giỏi	Khá	Khá	100% HP thực đóng	10.131.400		10.131.400		CLC
6	21127072	Nguyễn Hữu Khánh	12	12	8,5	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	16.716.810		16.716.810		CLC
7	21127113	Đình Dương Hải Nam	10	10	9,7	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	13.567.400		13.567.400	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC
8	21127122	Hồ Thanh Nhân	14	14	9,7	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	19.139.670		19.139.670	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC
9	21127153	Nguyễn Huỳnh Phú Quý	8	8	9,15	Xuất sắc	Khá	Khá	100% HP thực đóng	10.131.400		10.131.400		CLC
10	21127165	Ngô Đình Quốc Thắng	14	8	9,4	Xuất sắc	Khá	Khá	100% HP thực đóng	10.131.400		10.131.400	Không tính học phí học phần điểm P	CLC
11	21127176	Lê Thị Hoài Thư	8	8	8,05	Giỏi	Khá	Khá	100% HP thực đóng	10.131.400		10.131.400		CLC
12	21127223	Nguyễn Tiến Bách	14	14	9,06	Xuất sắc	Khá	Khá	100% HP thực đóng	17.399.700		17.399.700	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC
13	21127257	Phạm Trần Minh Duy	14	8	7,15	Khá	Khá	Khá	100% HP thực đóng	10.131.400		10.131.400	Không tính học phí học phần điểm P	CLC
14	21127322	Hoàng Xuân Khôi	14	8	9,05	Xuất sắc	Khá	Khá	100% HP thực đóng	10.131.400		10.131.400	Không tính học phí học phần điểm P	CLC
15	21127353	Đình Thiện Minh	8	8	8,7	Giỏi	Khá	Khá	100% HP thực đóng	10.131.400		10.131.400		CLC
16	21127364	Phạm Thị Phương Nam	8	8	8,8	Giỏi	Khá	Khá	100% HP thực đóng	10.131.400		10.131.400		CLC
17	21127384	Dương Hạnh Nhi	8	8	8,55	Giỏi	Khá	Khá	100% HP thực đóng	10.131.400		10.131.400		CLC

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK2/24- 25	XL HT HK2/24-25	XL ĐRL HK2/24- 25	LOẠI HỌC BỔNG	MỨC HỌC BỔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	CT
18	21127412	Hồ Bạch Như Quỳnh	8	8	8,95	Giỏi	Khá	Khá	100% HP thực đóng	10.131.400		10.131.400		CLC
19	21127461	Lê Thành Trung	8	8	8,75	Giỏi	Khá	Khá	100% HP thực đóng	10.131.400		10.131.400		CLC
20	21127469	Võ Thanh Tú	22	8	8,85	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	11.144.540		11.144.540	Không tính học phí học phần điểm P	CLC
21	21127511	Nguyễn Quốc Huy	10	10	8,8	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	13.567.400		13.567.400	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC
22	21127592	Nguyễn Minh Đạt	10	10	10	Xuất sắc	Khá	Khá	100% HP thực đóng	12.334.000		12.334.000	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC
23	21127623	Hà Minh Khang	8	8	9,25	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	11.144.540		11.144.540		CLC
24	21127634	Mạch Vĩ Kiệt	10	10	9,2	Xuất sắc	Khá	Khá	100% HP thực đóng	12.334.000		12.334.000	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC
25	21127662	Nguyễn Bùi Mẫn Nhi	10	10	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.800.800		14.800.800	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC
26	21127666	Trần Thuận Phát	10	10	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.800.800		14.800.800	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC
27	21127677	Võ Phạm Thanh Phương	8	8	8,15	Giỏi	Khá	Khá	100% HP thực đóng	10.131.400		10.131.400		CLC
28	21127732	Võ Quang Vinh	8	8	8,75	Giỏi	Khá	Khá	100% HP thực đóng	10.131.400		10.131.400		CLC
29	21127739	Vũ Minh Phát	12	12	9,23	Xuất sắc	Khá	Khá	100% HP thực đóng	15.197.100		15.197.100		CLC
30	22125002	Phạm Minh Anh	22	22	9,58	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	35.494.200	29.578.500	5.915.700	SV đã nhận HB Đầu vào (100% học phí thực đóng)	TT
31	22125029	Lê Minh Hoàng	22	22	9,66	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	35.494.200	22.183.875	13.310.325	SV đã nhận HB Đầu vào (75% học phí thực đóng)	TT
32	22125049	Huỳnh Hà Phương Linh	18	18	9,56	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	28.582.560		28.582.560		TT
33	22125075	Nguyễn Duy Phúc	18	18	9,47	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	28.582.560		28.582.560		TT
34	22125077	Nguyễn Hoàng Phúc	22	22	9,64	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	35.494.200	22.183.875	13.310.325	SV đã nhận HB Đầu vào (75% học phí thực đóng)	TT
35	22125085	Ô Hớn Sâm	18	18	9,43	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	28.582.560		28.582.560		TT

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK2/24- 25	XL HT HK2/24-25	XL ĐRL HK2/24- 25	LOẠI HỌC BỔNG	MỨC HỌC BỔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	CT
36	22127064	Phạm Thành Đạt	14	14	9,36	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.172.520		19.172.520		CLC
37	22127128	Nguyễn Minh Hoàng	14	14	9,44	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.172.520		19.172.520		CLC
38	22127137	Vũ Tuấn Hùng	14	14	9,3	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.172.520		19.172.520		CLC
39	22127154	Nguyễn Gia Huy	14	14	9,51	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.172.520		19.172.520		CLC
40	22127166	Triệu Gia Huy	14	14	9,53	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.172.520		19.172.520		CLC
41	22127207	Lê Quốc Khôi	14	14	9,7	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.172.520		19.172.520		CLC
42	22127270	Nguyễn Quang Minh	14	14	9,5	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.172.520		19.172.520		CLC
43	22127295	Võ Thành Nghĩa	18	18	9,59	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	25.251.360		25.251.360		CLC
44	22127313	Trần Ngọc Uyển Nhi	14	14	9,53	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.172.520		19.172.520		CLC
45	22127346	Nguyễn Trung Quân	14	14	9,69	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.172.520		19.172.520		CLC
46	22127360	Võ Nguyễn Phương Quỳnh	14	14	9,49	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.172.520		19.172.520		CLC
47	22127362	Nguyễn Phước Sang	14	14	9,27	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.172.520		19.172.520		CLC
48	22127370	Lâm Chí Tài	10	10	9,28	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	13.093.680		13.093.680		CLC
49	22127383	Nguyễn Thành Thái	14	14	9,69	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.172.520		19.172.520		CLC
50	22127389	Nguyễn Phúc Thành	14	14	9,81	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.172.520		19.172.520		CLC
51	22127398	Nguyễn Văn Minh Thiện	14	14	9,37	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.172.520		19.172.520		CLC
52	22127451	Phan Thị Tường Vi	10	10	9,7	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	13.093.680		13.093.680		CLC
53	22127459	Phạm Thanh Vinh	14	14	9,46	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.172.520		19.172.520		CLC
54	22127488	Trương Thanh Toàn	14	14	9,53	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.172.520		19.172.520		CLC
55	23125006	Võ Gia Huy	18	16	9,88	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	29.050.560	12.104.400	16.946.160	SV đã nhận HB Đầu vào (50% học phí thực đóng)	TT
56	23125039	Trịnh Minh Huy	18	16	9,93	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	29.050.560		29.050.560		TT
57	23125050	Hồ Lâm Ngọc Bảo	18	16	9,88	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	29.050.560		29.050.560		TT
58	23125062	Phan Tuấn Kiệt	18	16	9,95	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	29.050.560		29.050.560		TT
59	23127007	Trần Công Minh	14	12	9,7	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	18.847.680	7.853.200	10.994.480	SV đã nhận HB Đầu vào (50% học phí thực đóng)	CLC

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK2/24- 25	XL HT HK2/24-25	XL ĐRL HK2/24- 25	LOẠI HỌC BỔNG	MỨC HỌC BỔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	CT
60	23127015	Nguyễn Hoàng Anh Khoa	14	12	9,73	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	18.847.680		18.847.680		CLC
61	23127018	Lê Trường Thịnh	14	12	9,8	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	18.847.680		18.847.680		CLC
62	23127023	Phan Nhựt Anh	14	12	9,7	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.433.480		20.433.480		CLC
63	23127072	Phan Huỳnh Minh Khôi	14	12	9,7	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.433.480		20.433.480		CLC
64	23127073	Phi Anh Khôi	14	12	9,7	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.433.480		20.433.480		CLC
65	23127106	Nguyễn Hoàng Quân	14	12	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	18.847.680		18.847.680		CLC
66	23127114	Văn Ngọc Quý	14	12	9,83	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	18.847.680		18.847.680		CLC
67	23127115	Mạch Quốc Tấn	14	12	9,77	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.433.480		20.433.480		CLC
68	23127146	Lê Chí Vỹ	14	12	9,87	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	18.847.680		18.847.680		CLC
69	23127203	Trần Hữu Khang	14	12	9,93	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.433.480		20.433.480		CLC
70	23127212	Nguyễn Quang Đăng Khoa	14	12	9,8	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	18.847.680		18.847.680		CLC
71	23127261	Vương Ngũ Tín Thành	14	12	9,83	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.433.480		20.433.480		CLC
72	23127300	Hà Bảo Ngọc	14	12	9,73	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.433.480		20.433.480		CLC
73	23127315	Nguyễn Trần Thiên An	14	12	9,73	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	18.847.680		18.847.680		CLC
74	23127318	Lê Hồ Đan Anh	14	12	9,93	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.433.480		20.433.480		CLC
75	23127398	Đình Xuân Khương	14	12	9,73	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	18.847.680		18.847.680		CLC
76	23127442	Trầm Hữu Nhân	14	12	9,73	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	18.847.680		18.847.680		CLC
77	23127485	Phạm Quang Thịnh	14	12	9,67	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.433.480		20.433.480		CLC
78	24125001	Lê Nguyễn Hữu An	15	15	9,58	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	22.138.920	13.836.825	8.302.095	SV đã nhận HB Đầu vào (75% học phí thực đóng)	TT
79	24125007	Huỳnh Nguyễn Khánh Duy	15	15	9,42	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	22.138.920	9.224.550	12.914.370	SV đã nhận HB Đầu vào (50% học phí thực đóng)	TT
80	24125013	Trịnh Võ Nam Kiệt	15	15	9,49	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	22.138.920		22.138.920		TT
81	24125020	Huỳnh Chí Tôn	15	15	9,49	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	22.138.920	13.836.825	8.302.095	SV đã nhận HB Đầu vào (75% học phí thực đóng)	TT

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK2/24- 25	XL HT HK2/24-25	XL ĐRL HK2/24- 25	LOẠI HỌC BỔNG	MỨC HỌC BỔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	CT
82	24125021	Bùi Nguyễn Đức Trọng	15	15	9,39	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	22.138.920	18.449.100	3.689.820	SV đã nhận HB Đầu vào (100% học phí thực đóng)	TT
83	24125022	Đặng Đình Trung	15	15	9,62	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	22.138.920	9.224.550	12.914.370	SV đã nhận HB Đầu vào (50% học phí thực đóng)	TT
84	24125045	Lê Đức Thịnh	15	15	9,56	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	22.138.920		22.138.920		TT
85	24125072	Nguyễn Hoàng Thuận Phát	15	15	9,32	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	22.138.920	9.224.550	12.914.370	SV đã nhận HB Đầu vào (50% học phí thực đóng)	TT
86	24125099	Nguyễn Hoàng Gia	15	15	9,32	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	22.138.920	18.449.100	3.689.820	SV đã nhận HB Đầu vào (100% học phí thực đóng)	TT
87	24125100	Nguyễn Lê Quốc Huy	15	15	9,43	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	22.138.920	18.449.100	3.689.820	SV đã nhận HB Đầu vào (100% học phí thực đóng)	TT
88	24127008	Trương Nhật Phát	15	15	8,87	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	18.003.920		18.003.920		TCTA
89	24127011	Nguyễn Tuấn An	15	15	8,86	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	18.003.920		18.003.920		TCTA
90	24127014	Phạm Nhứt Anh	15	15	8,91	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	18.003.920		18.003.920		TCTA
91	24127034	Lâm Chí Hào	15	15	9,42	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.640.640		19.640.640		TCTA
92	24127041	Hoàng Trung Hiếu	15	15	9,19	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.640.640		19.640.640		TCTA
93	24127052	Phùng Bảo Khang	15	15	9,13	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	18.003.920		18.003.920		TCTA
94	24127057	Trần Hoàng Quốc Khánh	15	15	8,91	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	18.003.920		18.003.920		TCTA
95	24127126	Trần Nguyễn Duy Thịnh	15	15	9,11	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	18.003.920		18.003.920		TCTA
96	24127128	Nguyễn Cao Thông	15	15	9,17	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.640.640	16.367.200	3.273.440	SV đã nhận HB Đầu vào (100% học phí thực đóng)	TCTA
97	24127144	Nguyễn Trịnh Tuấn Văn	15	15	9,05	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.640.640		19.640.640		TCTA
98	24127179	Huỳnh Gia Khang	15	15	9,69	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	18.003.920		18.003.920		TCTA
99	24127187	Nguyễn Hoàng Đăng Khoa	15	15	9,4	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.640.640		19.640.640		TCTA

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK2/24- 25	XL HT HK2/24-25	XL ĐRL HK2/24- 25	LOẠI HỌC BỔNG	MỨC HỌC BỔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	CT
100	24127194	Hoàng Trung Kiên	15	15	9,55	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.640.640		19.640.640		TCTA
101	24127238	Ngô Huỳnh Thắm	15	15	9,27	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.640.640		19.640.640		TCTA
102	24127251	Hứa Mẫn Tiệp	15	15	9,11	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.640.640		19.640.640		TCTA
103	24127257	Nguyễn Thành Trung	15	15	9,02	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	18.003.920		18.003.920		TCTA
104	24127268	Nguyễn Trần Lan Viên	15	15	9,25	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.640.640		19.640.640		TCTA
105	24127272	Lý Huỳnh Minh Đăng	15	15	8,87	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	18.003.920		18.003.920		TCTA
106	24127330	Lương Gia Bảo	15	15	9,44	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.640.640	16.367.200	3.273.440	SV đã nhận HB Đầu vào (100% học phí thực đóng)	TCTA
107	24127455	Lại Phan Nhật Nam	15	15	9,19	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	18.003.920		18.003.920		TCTA
108	24127500	Nguyễn Đại Phúc	15	15	9,75	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.640.640		19.640.640		TCTA
109	24127518	Trần Ngọc Quân	15	15	9,28	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	18.003.920		18.003.920		TCTA
110	24127549	Lê Phạm Minh Thu	15	15	9,8	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	18.003.920		18.003.920		TCTA